

Châu Thành, ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Số: 270/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 465/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: A, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Trúc Kiều, sinh năm 1983;

Địa chỉ: A, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Trúc K trình bày:

Vợ chồng ông, bà do quen biết rồi tự nguyện kết hôn vào năm 2004. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. ông, bà nhận thấy khả năng không thể tháo gỡ mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định

tình trạng của vợ chồng ông H, bà K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H, bà K là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông H, bà K có 02 con chung tên Nguyễn Đình Kh, sinh ngày 07/9/2005 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 21/12/2008; khi ly hôn Ông H, bà K thỏa thuận bà K tiếp tục nuôi con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà K khai không có.

Ông H, bà K không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Trúc K thuận tình ly hôn. Ghi nhận ông Huân, bà Kiều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà K được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Đình K, sinh ngày 07/9/2005 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 21/12/2008 ; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K tự nguyện không yêu cầu.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà K khai không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Trúc K phải nộp lệ phí là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0010509 ngày 26/10/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông H, bà K đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T (ngày 04/02/2004);
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết